

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ chi tiết một số dự toán chi tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (đợt 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ chi tiết một số dự toán chi tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh (đợt 2) cho các đơn vị, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, số tiền: 154.232,787 triệu đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm tư tỷ hai trăm ba hai triệu bảy trăm tám bảy nghìn đồng*). Cụ thể:

1. Kinh phí tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tinh giản biên chế: 2.110,683 triệu đồng.

2. Kinh phí đề án, nhiệm vụ mới: 25.477,68 triệu đồng.

3. Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND quy định một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh (phần chênh lệch kinh phí giữa Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND so với

Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 và Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh): 89.809,67 triệu đồng.

4. Kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích, thủy lợi: 36.712,732 triệu đồng.

5. Kinh phí hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số: 122,022 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Biểu số 01 đến 05 kèm theo Nghị quyết)

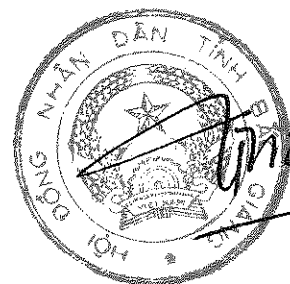
Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 18 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, thị ủy, thành ủy, HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

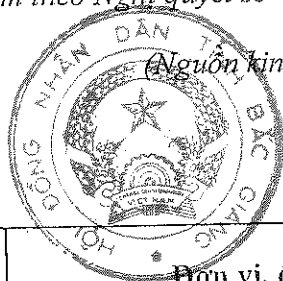


Lê Thị Thu Hồng

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2024

Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

(Nguồn kinh phí: Từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh)



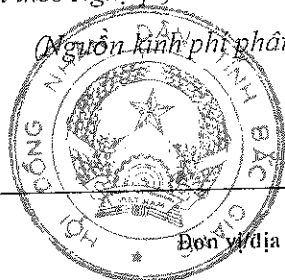
Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Đơn vị, địa phương	Số tiền
	TỔNG CỘNG	2.110,683
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	246,024
2	Huyện Yên Dũng	470,707
3	Huyện Lục Ngạn	1.393,952

PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN NĂM 2024 (ĐỢT 2)

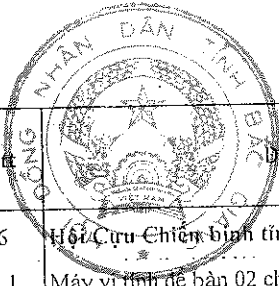
Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Nguồn kinh phí phân bổ: Từ nguồn kinh phí đề án, nhiệm vụ mới năm 2024)



Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Đơn vị/Địa phương/Nội dung	Số tiền
	TỔNG CỘNG	25.477,68
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.737
*	Chi cục Kiểm lâm	1.737
	Kinh phí thực hiện Dự án điều tra khảo sát và định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh.	1.737
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	19
	Học phí lớp cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung khóa học 2023-2025	19
3	Văn phòng UBND tỉnh	3.016
3.1	Trung tâm Hành chính công	28
	Tiền nước uống và nước sinh hoạt phục vụ người dân đến làm việc	28
3.2	Trung tâm thông tin	300
	Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 10/3/2024 của UBND tỉnh	300
3.3	Nhà Khách tỉnh	2.688
	Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng một số hạng mục tại Trung tâm Hội nghị tỉnh	2.688
4	Sở Y tế	3.744
4.1	Sự nghiệp đào tạo:	3.235
a	Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 30/01/2024: Kinh phí hợp tác đào tạo với Bệnh viện Bạch Mai	3.063
b	Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 07/5/2024: Kinh phí hợp tác đào tạo với Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	172
4.2	Sự nghiệp y tế:	509
a	KH số 60/KH-UBND ngày 13/3/2024: Triển khai công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên	156
b	KH số 68/KH-UBND ngày 25/3/2024: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	287
c	KH số 80/KH-UBND ngày 11/4/2024: Quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	66
5	Sở Nội vụ	13.000
	Quy thi đua khen thưởng	13.000

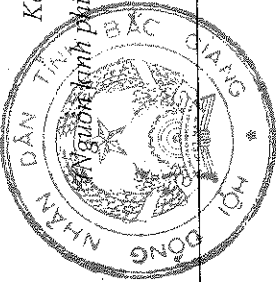


Số	Đơn vị/địa phương/Nội dung	Số tiền
6	Hội Cựu Chiến binh tỉnh	75
6.1	Máy vi tính để bàn 02 chiếc, máy tính xách tay 01 chiếc	45
6.2	Hỗ trợ kinh phí cho Hội truyền thông Trường Sơn Đường Hồ Chí Minh tổ chức Lễ kỷ niệm 65 năm ngày mở đường Hồ Chí Minh-ngày truyền thống bộ đội Trường Sơn	30
7	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Giang	45
*	Mua sắm trang thiết bị làm việc cho lãnh đạo mới được điều động (bổ sung mới biên chế)	45
8	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh	1.049
	Kinh phí tổ chức Cuộc thi robocon tỉnh Bắc Giang lần thứ I năm 2024	1.049
9	Sở Thông tin và Truyền thông	1.736
	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin "Hệ thống quản trị thực thi trên các nền tảng số phục vụ chỉ đạo và điều hành tỉnh Bắc Giang" phân kỳ năm thứ nhất	1.736
10	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	360
10.1	Kinh phí thực hiện Đề án số 19-ĐA/TU ngày 27/10/2023 của Tỉnh Ủy về "Tập hợp công nhân lao động và phát triển đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023- 2030",	30
10.2	Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030" năm 2024	330
11	Huyện Sơn Động	696,680
	Kinh phí thực hiện Đề án sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động để chia tách, thành lập thị xã Chũ và thành lập các phường thuộc thị xã Chũ; thành thị trấn Phi Điền, thị trấn Biền Động thuộc huyện Lục Ngạn	696,68

PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ồ THÔN, TỔ DÂN PHÓ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 81/2023/NQ-HĐND (Phần kinh phí chênh lệch giữa Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND so với dự toán đã bố trí theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND)

Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Quyết định phân bổ: Từ nguồn kinh phí chi trả chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn năm 2024)



Đơn vị: Triệu đồng

Stt	NỘI DUNG	Huyện, thị xã, thành phố								
		Tổng số	Hiệp Hòa	Yên Dũng	Lạng Giang	Tân Yên	Yên Thế	Lục Nam	Lục Ngạn	Sơn Động
	Chênh lệch kinh phí giữa Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND so với Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND để nghị phân bổ đợt này	89.809,67	8.918,32	7.812,92	13.202,31	16.579,76	9.255,40	13.574,00	15.309,32	5.137,64

PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
THỦY LỢI CHO 02 CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL NAM SÔNG THƯƠNG,
BẮC SÔNG THƯƠNG NĂM 2024

Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

(Nguồn Kinh phí: Từ nguồn kinh phí giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giao đầu năm)

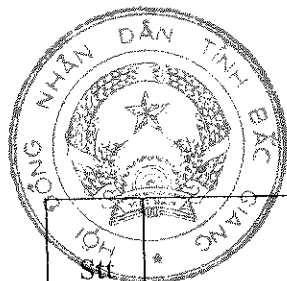
Đơn vị: triệu đồng

STT	Đơn vị	Số tiền
	TỔNG CỘNG	36.712,732
1	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Sông Thương	22.444,237
2	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương	14.268

**PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM CHO LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI
DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM 2024**

Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

(Nguồn kinh phí: từ nguồn chi khác ngân sách cấp tỉnh năm 2024)



Đơn vị: triệu đồng

	Đơn vị	Kinh phí hỗ trợ đóng bảo BHXH, BHYT, BHTN
	Tổng số	122,022
1	Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp Yên Thế	35,066
2	Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp Lục Ngạn	86,956